

Bản tin Phân tích kỹ thuật

11/06/2026

Vietcap ▲



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G6000 hồi phục sau khi giảm điểm đầu phiên 11/06. Cuối ngày, hợp đồng đóng cửa vượt đường MA20 và MA50, cho thấy đà hồi phục vẫn lấn át. Tuy nhiên, chưa thể loại trừ khả năng 4111G6000 gặp trở ngại quanh kháng cự 1.956 điểm. (M5)
- Khuyến nghị mở vị thế mua khi xuất hiện nến đóng cửa vượt kháng cự 1.956 điểm, mục tiêu tại 1.965 điểm và dừng lỗ nếu vi phạm mốc 1.952 điểm.

Chiến lược:

- Mua khi vượt (BS): 1.956 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.965 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.952 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tiêu cực	Trung tính
VN30	Tiêu cực	Trung tính
VNMid	Tiêu cực	Tiêu cực
VNSmall	Tiêu cực	Tiêu cực
HNX	Tích cực	Tích cực

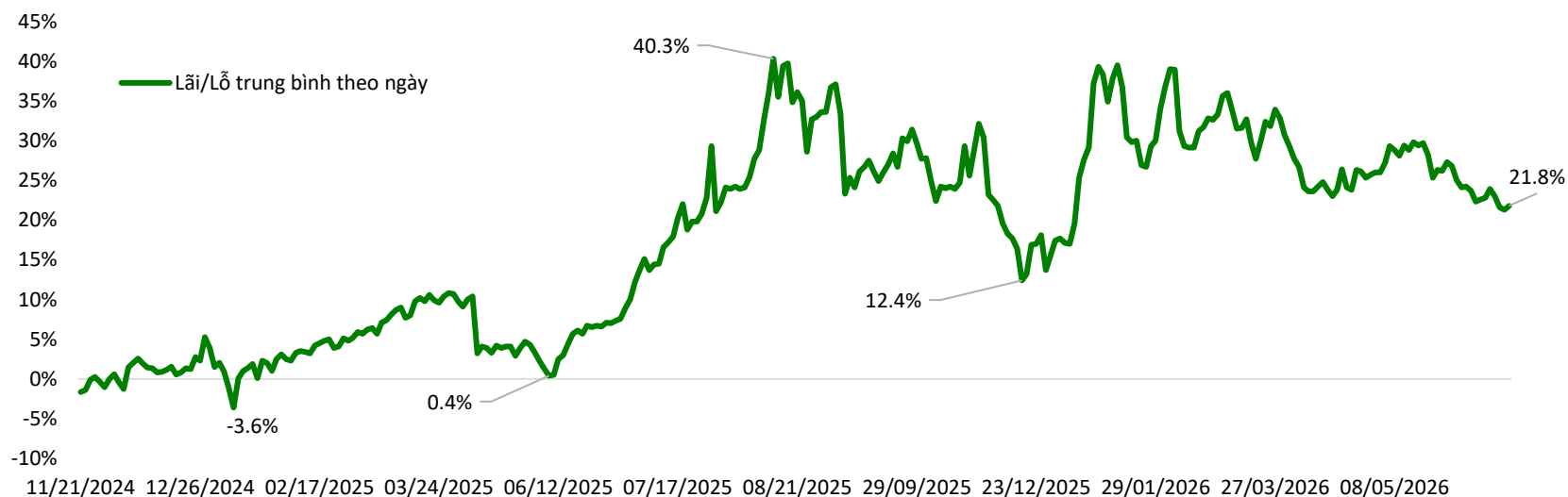


Nguồn: Vietcap

- VN-Index điều chỉnh với độ rộng thị trường tiêu cực, ghi nhận 178 mã giảm so với 118 mã tăng. Tuy nhiên, áp lực bán nhìn chung vẫn được tiết chế ở mức thấp, chưa xuất hiện trạng thái bán mạnh trên diện rộng. Ở chiều ngược lại, lực cầu có cải thiện nhưng chủ yếu mang tính cục bộ, tập trung tại một số cổ phiếu Ngân hàng và Bất động sản khu công nghiệp.
- Về mặt kỹ thuật, VN-Index tiếp tục dao động dưới MA5 quanh 1.805 điểm, cho thấy đà hồi phục ngắn hạn vẫn chưa đạt trạng thái ổn định. Vùng 1.805–1.830 điểm sẽ đóng vai trò kháng cự gần, trong khi hỗ trợ quan trọng hiện nằm quanh 1.750 điểm. Tín hiệu kỹ thuật ngắn hạn sẽ được cải thiện khi chỉ số đóng cửa vượt kháng cự 1.830 điểm.
- Đánh giá tổng quan, tỷ trọng cổ phiếu có xu hướng giảm ở mức cao tại nhiều nhóm dẫn dắt - 45% ở nhóm Ngân hàng, 56% ở Bất động sản, 40% ở Chứng khoán, 52% ở Vật liệu, 51% ở Tiêu dùng và 41% ở Bán lẻ. Dù áp lực bán hiện vẫn được tiết chế, lực cầu cục bộ chưa đủ để giúp VN-Index vượt vùng kháng cự 1.805–1.830 điểm. Do đó, rủi ro rung lắc hoặc tiếp tục điều chỉnh vẫn duy trì trong các phiên tới.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
SAB	29/04/2026		Đang mở	48,600	47,500	2.3%	46,000	53,600		
PLX	05/06/2026		Đang mở	39,850	41,150	-3.2%	39,700	47,800		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VHM	144,500	-1.57%	-3.67%	593,521	-2.144	15,766	2.3	9.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	35,400	4.27%	0.14%	141,600	1.395	1,572	2.4	22.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VJC	177,500	-2.47%	2.84%	105,011	-0.599	4,290	4.0	41.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HPG	23,300	-1.27%	-2.71%	196,721	-0.577	2,499	1.4	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MWG	76,900	-1.66%	-1.91%	112,922	-0.433	5,552	3.2	13.9	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
FPT	73,100	-1.48%	-3.94%	124,526	-0.426	5,691	3.2	12.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BID	41,400	-0.60%	-2.93%	301,395	-0.417	4,392	1.6	9.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KBC	31,000	5.98%	3.33%	29,194	0.403	1,714	1.2	18.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
LPB	46,050	-1.18%	-0.86%	137,564	-0.374	3,738	2.8	12.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SAB	48,600	2.21%	1.67%	62,333	0.317	3,754	2.8	12.9	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
STB	71,300	0.99%	1.28%	134,416	0.307	2,454	2.2	29.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSN	71,000	-1.25%	-4.05%	102,660	-0.296	3,268	2.8	21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	95,500	-1.95%	-7.69%	61,168	-0.275	5,285	8.0	18.1	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,350	-0.45%	-2.20%	259,028	-0.267	4,906	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VRE	29,150	-1.69%	-6.27%	66,238	-0.258	3,025	1.3	9.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	78,100	-4.76%	-15.02%	70,273	-1.059	14,074	4.0	5.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
THD	147,000	1.73%	1.38%	56,595	0.310	271	12.7	542.1	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSV	151,000	-1.44%	-4.97%	30,200	-0.137	13,090	5.0	11.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVB	12,400	-1.59%	7.83%	23,865	-0.120	43	1.7	286.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
IDC	43,500	1.87%	0.00%	16,508	0.098	4,899	2.5	8.9	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,600	1.05%	-1.03%	19,741	0.066	3,781	1.3	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBS	19,000	-1.04%	-5.00%	19,018	-0.063	1,808	2.3	10.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CEO	15,100	-1.31%	-0.29%	8,996	-0.037	337	1.4	44.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HUT	15,600	-0.64%	0.00%	16,665	-0.034	491	1.5	31.8	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VIT	22,600	-5.44%	-7.76%	1,555	-0.027	1,633	1.9	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	89,400	-1.54%	-6.88%	272,378	-0.501	3,657	6.1	24.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
IDP	279,500	14.93%	-1.93%	17,256	0.307	5,055	5.2	55.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACV	43,400	-0.69%	-1.59%	155,763	-0.128	2,980	2.2	14.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	59,200	-1.33%	-4.21%	71,937	-0.114	1,955	4.9	30.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VNZ	381,000	7.29%	22.51%	10,954	0.095	617	14.8	597.6	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực
FOX	78,700	-1.25%	-4.02%	58,140	-0.087	4,791	4.9	16.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
F88	79,900	-3.15%	0.57%	17,846	-0.067	3,269	7.3	24.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VFC	88,400	-15.00%	-15.00%	2,988	-0.053	306	4.5	288.7	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
TSJ	34,000	-14.79%	5.26%	2,543	-0.045	1,361	2.9	25.0	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
TVN	11,600	3.57%	3.57%	7,825	0.033	907	0.9	12.7	Tích cực	Tích cực	Trung tính	Tích cực

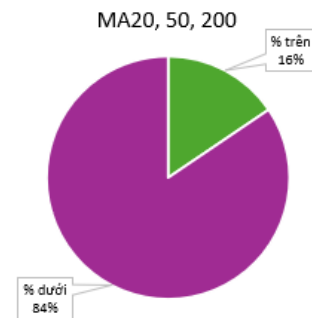
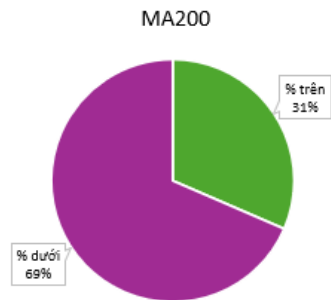
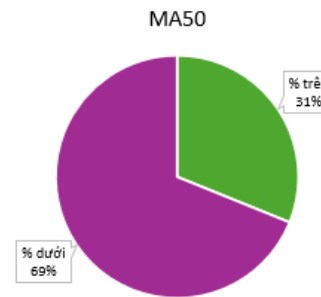
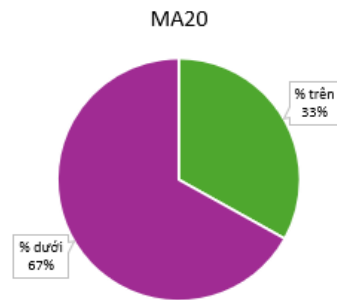
Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
C32	20,300	5.5%	12.9	1.9	8,675	19,250	1.1	17.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực

PHÁ ĐÁY 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
FRT	119,000	-1.7%	58.5	49.0	121,000	175,500	4.5	22.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DBC	18,500	-1.6%	36.3	35.9	18,800	27,533	0.9	5.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ELC	15,850	-0.3%	5.4	7.1	15,900	26,750	1.3	14.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PAC	21,000	-1.4%	8.2	5.7	21,150	34,200	1.4	13.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

KLGĐ ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
LDG	3,270	6.9%	19.3	2.8	2,120	7,050	0.7	7.8	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
HSL	6,860	6.9%	35.1	2.6	4,700	15,900	0.6	64.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
PVI	78,000	0.0%	9.7	3.7	52,624	112,500	2.1	13.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIW	32,700	9.4%	55.7	14.9	8,200	61,000	3.1	98.3	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
VGT	11,000	-2.7%	14.7	4.6	10,861	16,000	0.7	6.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			11/06/2026	10/06/2026	09/06/2026	08/06/2026	05/06/2026	04/06/2026	03/06/2026	02/06/2026
VNINDEX	MA200	Trên	23%	24%	22%	22%	24%	24%	23%	23%
		Dưới	77%	76%	78%	78%	76%	76%	77%	77%
	MA50	Trên	29%	27%	26%	27%	31%	32%	32%	32%
		Dưới	71%	73%	74%	73%	69%	68%	68%	68%
	MA20	Trên	32%	29%	25%	22%	29%	28%	28%	27%
		Dưới	68%	71%	75%	78%	71%	72%	72%	73%
VN30	MA200	Trên	33%	33%	33%	37%	40%	43%	37%	37%
		Dưới	67%	67%	67%	63%	60%	57%	63%	63%
	MA50	Trên	33%	43%	37%	37%	53%	53%	43%	50%
		Dưới	67%	57%	63%	63%	47%	47%	57%	50%
	MA20	Trên	27%	23%	23%	17%	33%	30%	20%	13%
		Dưới	73%	77%	77%	83%	67%	70%	80%	87%
HNX	MA200	Trên	33%	33%	32%	33%	34%	34%	33%	34%
		Dưới	67%	67%	68%	67%	66%	66%	67%	66%
	MA50	Trên	30%	30%	30%	31%	33%	37%	36%	36%
		Dưới	70%	70%	70%	69%	67%	63%	64%	64%
	MA20	Trên	33%	33%	32%	33%	34%	34%	33%	34%
		Dưới	67%	67%	68%	67%	66%	66%	67%	66%
UPCOM	MA200	Trên	33%	33%	32%	32%	33%	32%	34%	32%
		Dưới	67%	67%	68%	68%	67%	68%	66%	68%
	MA50	Trên	33%	33%	33%	32%	33%	33%	34%	32%
		Dưới	67%	67%	67%	68%	67%	67%	66%	68%
	MA20	Trên	35%	35%	35%	34%	35%	34%	35%	34%
		Dưới	65%	65%	65%	66%	65%	66%	65%	66%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 15	Tháng 6										Tháng 5									
	11	10	09	08	05	04	03	02	01	29	28	27	26	25	22	21	20	19	18	15
1 Du lịch và Giải trí	51	52	48	49	48	45	42	43	44	44	44	48	48	43	45	45	43	37	42	47
2 Ngân hàng	44	47	45	49	51	48	45	48	52	57	59	58	52	48	48	49	50	53	54	55
3 Tài nguyên Cơ bản	44	45	44	47	46	44	45	45	49	55	54	52	52	51	48	45	47	50	50	52
4 Thực phẩm và đồ uống	43	43	40	41	41	42	40	41	43	43	45	45	45	47	46	45	47	47	48	48
5 Dịch vụ tài chính	41	41	40	43	44	46	45	48	47	49	50	53	51	49	42	39	42	47	46	44
6 Ô tô và phụ tùng	40	42	34	34	42	37	39	41	43	42	39	31	28	28	29	31	33	31	31	31
7 Bất động sản	39	36	33	34	34	34	35	38	39	40	41	41	39	38	38	43	48	53	55	55
8 Điện, nước & xăng d...	39	39	40	39	38	38	30	35	34	42	43	41	42	37	38	37	40	40	40	40
9 Xây dựng và Vật liệu	39	37	37	38	38	38	38	38	33	38	39	38	39	28	30	29	31	32	33	37
10 Bán lẻ	34	35	31	33	33	34	32	32	32	33	34	34	33	32	32	30	28	27	31	37
11 Hàng & Dịch vụ Côn...	34	33	33	36	38	36	34	36	36	41	42	43	43	43	48	51	53	55	53	52
12 Hóa chất	32	29	30	32	32	31	31	32	32	41	40	42	41	42	44	46	47	53	53	50
13 Công nghệ Thông tin	29	31	30	34	35	36	33	28	22	24	24	27	26	28	29	28	26	22	20	17
14 Dầu khí	28	28	32	34	32	30	24	26	29	37	35	39	42	46	53	57	56	62	62	56
15 Hàng cá nhân & Gia ...	19	22	22	22	18	19	19	20	20	21	21	23	24	24	25	24	24	25	25	26

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACB	26,500	0.0%	1.0%	136,121	1.4	8.4	3,167	623.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
STB	71,300	1.0%	1.3%	134,416	2.2	29.1	2,454	291.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
OCB	12,550	0.4%	1.6%	33,421	1.0	7.8	1,604	92.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
ABB	16,900	0.0%	5.6%	23,674	1.3	5.4	3,156	30.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KDC	51,000	2.7%	-0.4%	14,780	2.2	24.3	2,100	66.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DHC	36,700	1.4%	2.2%	3,545	1.5	7.8	4,707	19.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VIW	32,700	9.4%	46.0%	1,954	3.1	98.3	343	55.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TCI	12,450	3.8%	1.2%	1,439	1.1	-645.1	-19	10.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MST	9,000	1.1%	7.1%	1,022	0.9	36.8	245	6.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
C32	20,300	5.5%	37.6%	610	1.1	17.3	1,171	12.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DST	13,000	0.0%	31.3%	419	1.1	182.8	71	9.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HNM	8,500	2.4%	6.3%	375	0.8	28.6	296	5.6	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VJC	177,500	-2.5%	2.8%	105,011	4.0	41.4	4,290	146.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SAB	48,600	2.2%	1.7%	62,333	2.8	12.9	3,754	69.7	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
MSB	14,600	0.0%	0.3%	45,552	1.0	7.8	1,884	86.4	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GMD	75,600	0.0%	-0.7%	32,243	2.4	17.0	4,457	12.6	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	37,500	0.8%	0.5%	12,422	2.0	12.6	3,024	7.3	Tích cực	7.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
TVN	11,600	3.6%	3.6%	7,825	0.9	12.7	907	13.0	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Tích cực
VTZ	20,500	0.5%	0.0%	1,561	1.8	24.9	823	17.2	Tích cực	7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
HHP	14,750	1.7%	3.1%	1,277	1.3	26.0	567	20.5	Tích cực	7.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
TCX	38,400	0.0%	-4.7%	106,518	2.3	17.4	2,202	13.8	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPX	25,650	-1.0%	-3.2%	48,094	1.4	11.3	2,263	9.1	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VCI	23,400	-0.4%	-3.9%	26,855	1.6	17.8	1,314	84.6	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	119,000	-1.7%	-6.3%	20,266	4.5	22.2	5,368	58.5	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VSC	18,450	-0.3%	-8.2%	6,907	1.3	25.2	731	37.2	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VGT	11,000	-2.7%	-5.2%	5,507	0.7	6.0	1,843	14.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCM	20,250	0.0%	-2.2%	2,382	1.0	9.3	2,181	9.7	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BID	41,400	-0.6%	-2.9%	301,395	1.6	9.4	4,392	64.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,350	-0.4%	-2.2%	259,028	1.4	6.8	4,906	130.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
TCB	30,850	-0.3%	-1.9%	218,611	1.2	8.4	3,677	203.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,300	-1.3%	-2.7%	196,721	1.4	9.3	2,499	238.2	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDB	25,100	-0.8%	-1.4%	125,632	1.6	7.1	3,546	125.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	71,000	-1.3%	-4.1%	102,660	2.8	21.7	3,268	126.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KSF	78,100	-4.8%	-15.0%	70,273	4.0	5.6	14,074	17.2	Tiêu cực	-7.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VRE	29,150	-1.7%	-6.3%	66,238	1.3	9.6	3,025	56.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSI	26,300	-0.9%	-3.0%	65,516	1.7	12.2	2,153	196.6	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
GEE	95,500	-2.0%	-7.7%	61,168	8.0	18.1	5,285	106.1	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLX	39,850	-0.5%	-4.8%	50,633	2.0	28.5	1,400	67.9	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Tích cực
VIX	16,850	-1.2%	-5.9%	41,287	1.9	5.4	3,109	473.5	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
EIB	20,550	-1.2%	-2.8%	38,279	1.5	51.2	401	91.7	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	11,300	1.35%	0.89%	25,500	128.7%	(143)	0.9	-79.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DGC	45,150	0.67%	-0.55%	91,200	103.3%	6,911	1.1	6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	23,700	4.18%	3.49%	42,400	86.4%	1,309	1.3	18.1	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	23,350	-1.27%	2.41%	42,600	80.1%	1,077	1.4	21.7	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	26,450	-1.12%	0.76%	45,800	71.2%	1,599	1.0	16.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
TV2	29,400	-0.17%	1.38%	49,000	66.4%	1,971	1.5	14.9	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
VGC	42,100	1.57%	-0.24%	66,800	61.2%	2,896	2.1	14.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BMI	14,450	0.00%	-0.34%	23,100	59.9%	1,676	0.7	8.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVS	38,600	1.05%	-1.03%	60,000	57.1%	3,781	1.3	10.2	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HDG	21,300	1.19%	1.87%	32,900	56.3%	1,635	1.3	13.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PVT	19,850	-0.25%	-1.87%	30,800	54.8%	2,211	1.1	9.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
PLC	21,100	0.96%	-1.40%	31,900	52.6%	(99)	1.4	-214.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	23,300	-1.27%	-2.71%	35,400	50.0%	2,499	1.4	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	33,350	-0.45%	-2.20%	50,000	49.3%	4,906	1.4	6.8	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
FRT	119,000	-1.65%	-6.30%	178,800	47.8%	5,368	4.5	22.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VPB	26,000	-0.19%	-1.89%	38,000	45.9%	3,314	1.2	7.9	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MBB	24,750	0.20%	-1.00%	36,000	45.7%	3,442	1.4	7.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
NVL	13,000	-1.52%	0.91%	18,600	40.9%	1,397	0.7	9.3	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MSN	71,000	-1.25%	-4.05%	101,200	40.8%	3,268	2.8	21.7	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MCH	130,300	0.00%	-1.66%	181,700	39.4%	5,341	9.8	24.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn